TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐAN PHƯỢNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 12 - 2024
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Hoàn;
Bà Nguyễn Thị Chiều;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Như Hoàng Hải - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội;

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 221/2024/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1990; Địa chỉ: Cụm 9, xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đào Văn H, sinh năm 1985; Địa chỉ: Cụm 9, xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1958; Địa chỉ: Cụm 4, xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời trình bày của nguyên đơn là chị Lê Thị T: Chị và anh Đào Văn H tìm hiểu, thỏa thuận tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội vào ngày 03 tháng 8 năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với gia đình chồng ở cụm 9, xã Thọ Xuân. Thời gian đầu hai vợ chồng chị sống hạnh phúc. Sau một khoảng thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng lẫn nhau. Anh H thường hay nghi ngờ ghen tuông vô cớ, vợ chồng thường xuyên cãi cọ, thỉnh thoảng xảy ra xô sát là anh H lại đánh chị, có lần anh H đánh chị phải đi Bệnh viện Đa khoa huyện Đan Phượng điều trị một tuần. Tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn

trầm trọng, do cuộc sống chung áp lực, không thể chung sống cùng anh H, nên ngày 30/8/2024 chị đã về nhà mẹ đẻ ở. Vợ chồng ly thân và cắt đứt mọi tình cảm từ đó tới nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung là cháu Đào Văn T1, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 25/3/2012. Cháu T1 hiện đang ở bố, cháu T2 hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn chị xin nuôi cháu T2 và để anh H nuôi cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh H mỗi người nuôi 01 con nên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, phát triển vào khối tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Trong thời gian sống với anh H, thì anh H có vay mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị M số tiền 173.000.000 đồng, chị đề nghị Toà buộc anh H phải trả bà M số tiền trên.

Bị đơn anh Đào Văn H trình bày: Anh và chị Lê Thị T kết hôn với nhau tự nguyện và đăng ký kết hôn ngày 03/8/2009 tại UBND xã Thọ Xuân. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, trong cuộc sống vợ chồng cũng xảy ra va chạm như những gia đình khác. Anh thừa nhận có lần đánh chị T phải đi viện như chị T trình bày. Sự việc là do vợ chồng cãi nhau, trong lúc nóng nảy không làm chủ được bản thân nên nhỡ tay tát chị T, nhưng khi chị T đi viện anh vẫn chăm sóc bình thường. Đêm 30 tháng 8 năm 2024 vợ chồng anh có xảy ra cãi nhau, nguyên nhân cãi nhau là do chị T đi làm căn cước công dân về muộn. Đến sáng 01/9/2024 thì chị T dọn đồ đạc quần áo bỏ về nhà mẹ đẻ ở từ đó đến nay. Sau khi chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở, anh có nhiều lần gọi điện, bảo chị T về nhưng chị T không về. Nay, chị T xin ly hôn, anh thấy mâu thuẫn của vợ chồng chỉ là những việc nhỏ nhặt trong cuộc sống, không đến mức phải ly hôn nên không đồng ý ly hôn. Anh đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh về đoàn tụ. Xin đoàn tụ nhưng anh cũng không có biện pháp gì cải thiện tình cảm vợ chồng.

Về con chung: Vợ chồng anh có hai con chung là cháu Đào Văn T1, sinh ngày 26/5/2010 và cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 25/3/2012. Khi ly hôn anh đồng ý nuôi cháu T1 và để chị T nuôi cháu T2.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung và công sức đóng góp, phát triển vào khối tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Trong thời gian chung sống cùng nhau, nhiều lần hai vợ chồng anh cùng vay tiền mẹ vợ là bà Hoàng Thị M, tổng số tiền nợ bà M là 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng). Tuy số tiền là hai vợ chồng cùng vay, nhưng một mình anh sẽ nhận trách nhiệm trả bà M số tiền trên, thời hạn trả nợ cho bà M là trong vòng 02 năm, anh không yêu cầu chị T phải cùng anh trả nợ bà M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị M trình bày: Vợ chồng anh H, chị T có 03 lần vay tiền của bà, tổng số tiền là 173.000.000 đồng, khi đưa tiền thì đưa cho anh H. Vợ chồng chị T và anh Huu thoả thuận, anh H có trách nhiệm trả bà số tiền 173.000.000 đồng, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm, bà đồng ý.

Tại phiên tòa: các đương sự giữ nguyên yêu cầu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự pháp luật, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; xử cho nguyên đơn và bị đơn ly hôn. Về con chung: Giao cháu Đào Văn T1, sinh ngày 26/5/2010 cho anh H nuôi dưỡng; giao cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 25/3/2012 cho chị T nuôi dưỡng. Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về tài sản chung; công sức: Các đương sự không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Về nợ chung: Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự: Anh Đào Văn H có trách nhiệm trả bà Hoàng Thị M 173.000.000 đồng, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm.

Về án phí: Nguyên đơn, bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn xin ly hôn, giải quyết về quyền nuôi con, nợ chung khi ly hôn với anh Đào Văn H. Anh H có nơi thường trú tại xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội. Vì vậy, xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nợ chung khi ly hôn", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hòa giải nhiều lần nhưng các đương sự không thể tự thỏa thuận với nhau để giải quyết toàn bộ vụ án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử để xem xét theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Đào Văn H kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2009 tại UBND xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị T, anh H chung sống hạnh phúc. Đến năm 2023 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Bản thân chị T, anh H đều thừa nhận vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, có lần anh H đánh chị T phải nhập viện để điều trị. Chị T và anh H sống ly thân từ tháng 9/2024, anh H không đồng ý ly hôn nhưng không có biện pháp gì để cải thiện tình cảm vợ chồng. Tòa án đã kiên trì hòa giải nhiều lần nhưng không thành, chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận cho chị T và anh H ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là cháu Đào Văn T1, sinh ngày 26/5/2010, cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 25/3/2012. Khi ly hôn, chị T và anh H thỏa thuận: giao cháu T1 cho anh H nuôi, giao cháu T2 cho chị T nuôi cho đến khi các

cháu trưởng thành hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T và anh H thoả thuận không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của chị T và anh H.

[2.3] Về tài sản chung, công sức với hai bên gia đình: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Trong thời gian chung sống chị T, anh H có vay tiền của bà Hoàng Thị M là mẹ đẻ chị T, tổng số tiền là 173.000.000 đồng. Khi ly hôn chị T, anh H và bà M thoả thuận anh H có trách nhiệm trả bà Hoàng Thị M toàn bộ số tiền 173.000.000 đồng, thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm. Đây là sự thỏa thuận tự nguyện của các đương sự, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn, anh Đào Văn H phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 60, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35 và Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 266; Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

1. Chị Lê Thị T được ly hôn anh Đào Văn H.

2. Về con chung: Chị T và anh H có hai con chung là cháu Đào Văn T1, sinh ngày 26/5/2010, cháu Đào Ngọc T2, sinh ngày 25/3/2012.

Giao cháu Đào Văn T1 cho anh H nuôi, giao cháu Đào Văn T2 cho chị T nuôi cho đến khi cháu T1, cháu T2 đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Không đặt ra việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lê Thị T, anh Đào Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung; công sức: không xem xét.

4. Về công nợ: Anh Đào Văn H có trách nhiệm trả bà Hoàng Thị M số tiền 173.000.000 đồng (một trăm bảy mươi ba triệu đồng), thời hạn trả nợ trong vòng 2 năm, bắt đầu tính từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2026.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010397 ngày 14 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả lại chị Lê Thị T số tiền 2.162.500 đồng (hai triệu một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010446 ngày 12 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

Anh Đào Văn H phải nộp 8.650.000 đồng (Tám triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lê Thị T, anh Đào Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND huyện Đan Phượng,

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TP. Hà Nội;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- UBND xã Thọ Xuân, huyện Đan Phượng, TP. Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Kim Thúy